

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 6 năm 2025

Số: 11/2025/QĐST - DS

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2025, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 31/2025/TLST-TCDS ngày 12 tháng 5 năm 2025.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn C, sinh năm 1946, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Bùi Thị T, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Bùi Thị X – Trợ giúp viên pháp lý, địa chỉ: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Q.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn C, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1984, địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thành N và bà Lê Thị H:*

+ Cháu Nguyễn Thanh N1, sinh ngày 22/10/2009, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

+ Cháu Nguyễn Lê Thành Đ, sinh ngày 15/12/2013, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Người giám hộ pháp của cháu Nguyễn Thanh N1 và cháu Nguyễn Lê Thành Đ: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng

Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Nguyễn Thanh N1 và cháu Nguyễn Lê Thành Đ: Bà Trần Thị A – Trợ giúp viên pháp lý, địa chỉ: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Q.

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị H:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đồng thừa kế thống nhất di sản thừa kế bà Trần Thị N2 để lại gồm:

+ Tài sản thứ nhất: 1/2 diện tích thửa đất số 20, tờ bản đồ số 1 (Nay thửa đất số 66, tờ bản đồ số 7) diện tích: 960m<sup>2</sup> (Trong đó đất ở tại nông thôn 200,0m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác 760,0m<sup>2</sup>). Thửa đất trên đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông: Nguyễn C và bà Trần Thị N2 số xêri AP 313147 ngày 13/8/2009. Địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình có trị giá là 142.036.650 đồng (*Một trăm bốn mươi hai triệu không trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng*).

+ Tài sản thứ hai: 1/2 ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng khoảng: 50m<sup>2</sup> (được xây từ năm 2000). Ngôi nhà trên được gắn liền với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 1, bản đồ địa chính xã T nêu trên có trị giá là 240.213.600 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu hai trăm mười ba nghìn sáu trăm đồng*).

Các đồng thừa kế thống nhất phân chia di sản thừa kế như sau:

+ Giao cho ông Nguyễn C được quyền sử dụng diện tích đất như sau: Phía Tây giáp đường giao thông từ điểm 1-7 có số đo 24,52m; phía Bắc từ điểm 7 đến điểm 8 đến điểm 9 có số đo 27,36m; phía Đông giáp với đường giao thông từ điểm 9 đến điểm 4 có số đo là 15m; phía Nam giáp thửa đất số 99 từ điểm 1 đến điểm 2 có số đo là 15,60m, từ điểm 2 đến điểm 3 có số đo là 3,09m, từ điểm 3 đến điểm 4 có số đo là 12,37m. Tổng diện tích thửa đất là 558,8m<sup>2</sup>, trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở, 458,8m<sup>2</sup> đất hàng năm khác và 54,4m<sup>2</sup> phải đến cơ quan chuyên môn để đăng ký biến động. Ông C được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích 101.1m<sup>2</sup>; sân bê tông là 72m<sup>2</sup>, tổng trị giá ông C được hưởng là 252.565.500 đồng. (có sơ đồ thửa đất kèm theo).

+ Giao cho 02 cháu là Nguyễn Thanh N1 và Nguyễn Lê Thành Đ được quyền sử dụng diện tích đất như sau: Phía Tây giáp đường đi từ điểm 6 đến điểm 7 có số đo là 16,89m; phía Nam giáp với đất ông Nguyễn C từ điểm 7 đến điểm 8 có số đo 13,68m; phía Đông là từ đất ông Nguyễn C đến đường giao thông từ 8 đến điểm 10 có số đo là 16,93m; phía Bắc giáp đường giao thông từ điểm 6 đến điểm 10 có số đo 13,42m; tổng diện tích 226,3m<sup>2</sup>, trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở và 176,3m<sup>2</sup> đất hàng năm khác. Tài sản có trị giá là 64.842.350 đồng (*Sáu mươi tư triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm năm mươi đồng*). (có sơ đồ thửa đất kèm theo).

+ Giao cho ông Nguyễn Minh T1 được quyền sử dụng diện tích đất như sau: Phía Tây giáp phần đất của 02 cháu Đ và N1 từ điểm 8 đến điểm 10 có số đo là 16,93m; phía Nam giáp với đất ông Nguyễn C từ điểm 8 đến điểm 9 có số đo 13,68m; phía Đông giáp đường giao thông từ điểm 9 đến điểm 5 có số đo là 1,98m;

phía Bắc giáp đường giao thông từ điểm 5 đến điểm 10 có số đo 13,42m; tổng diện tích 226,3m<sup>2</sup>, trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở và 176,3m<sup>2</sup> đất hàng năm khác. Tài sản có trị giá là 64.842.350 đồng (*Sáu mươi tư triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm năm mươi đồng*) (có sơ đồ thửa đất kèm theo).

- Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn C, cháu Nguyễn Thanh N1 và cháu Nguyễn Lê Thành Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Minh T1 phải chịu 1.621.000 đồng (*Một triệu sáu trăm hai mươi một nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Ông Nguyễn C tự nguyện chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản số tiền 5.300.000 đồng (*Năm triệu ba trăm nghìn đồng*). Ông C đã nộp đủ số tiền 5.300.000 đồng (*Năm triệu ba trăm nghìn đồng*).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Châu Mạnh Cường**